

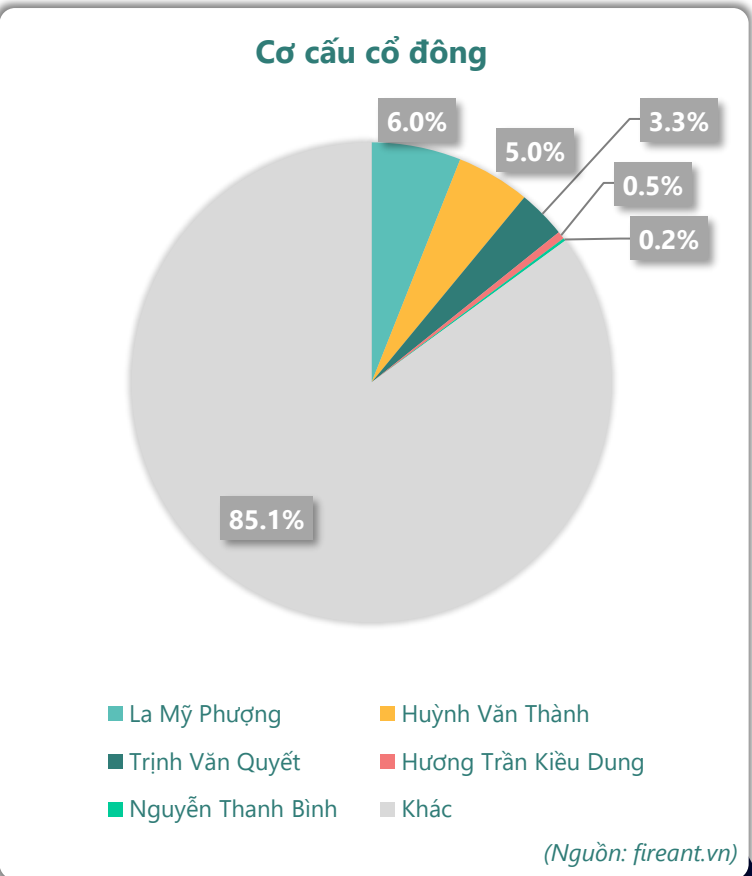
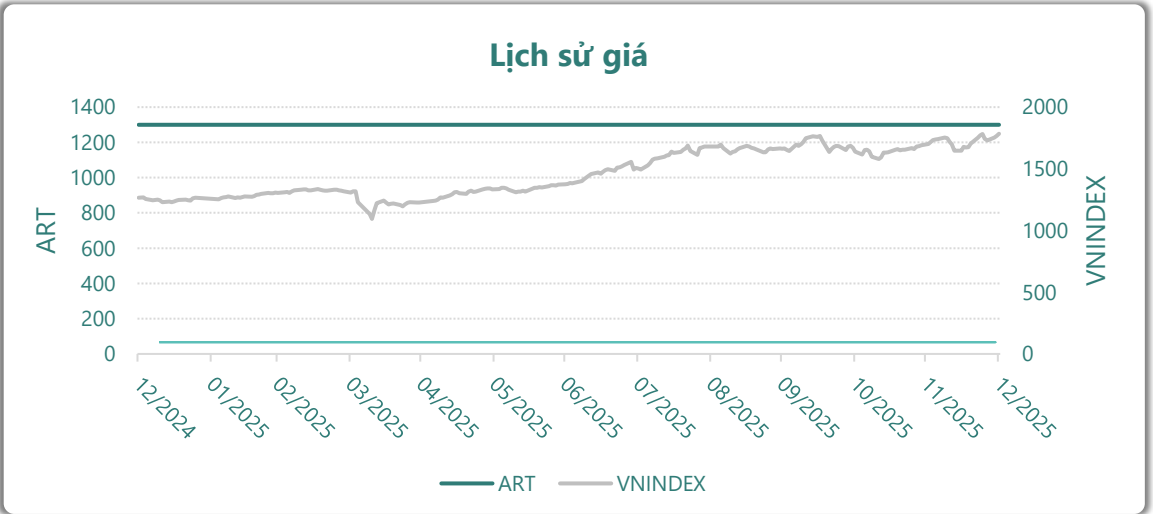
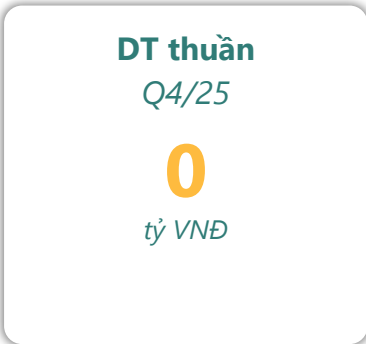
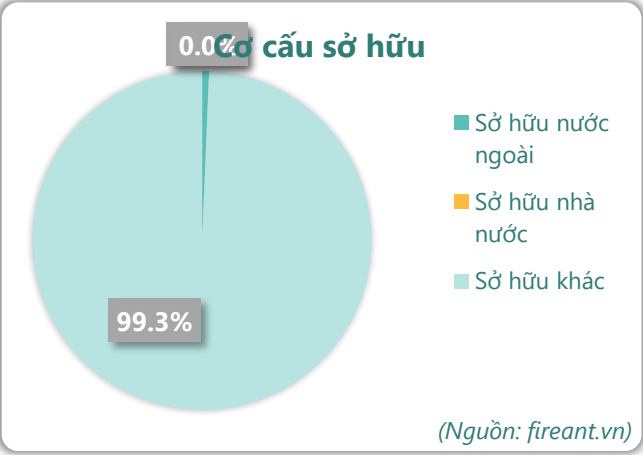


CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

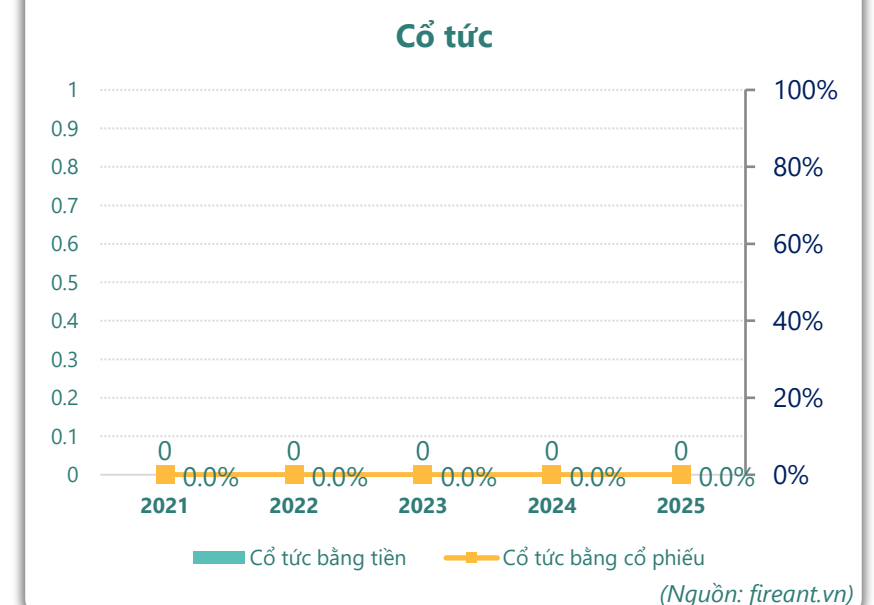
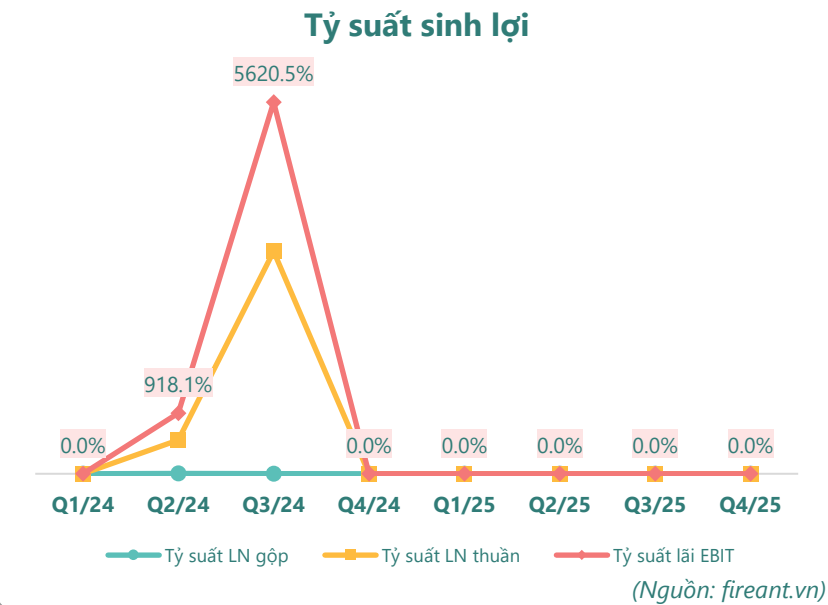
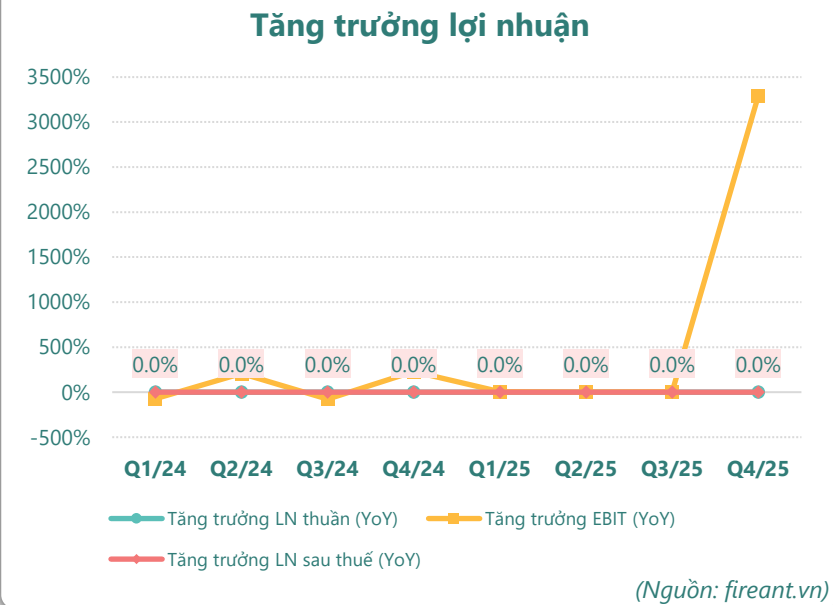
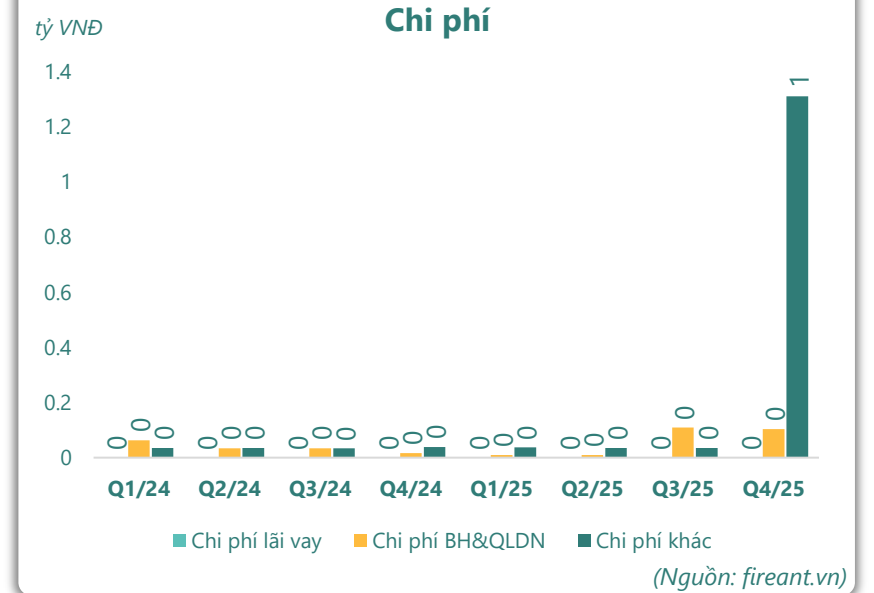
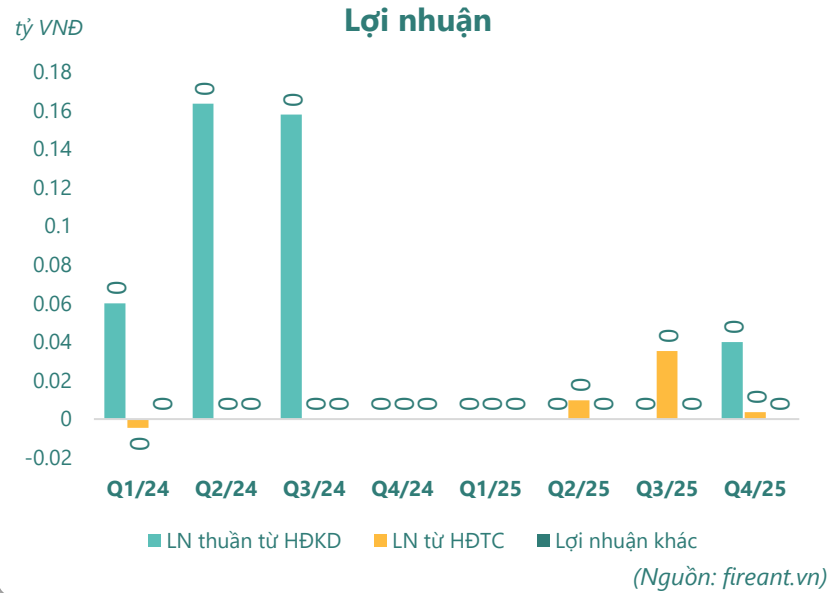
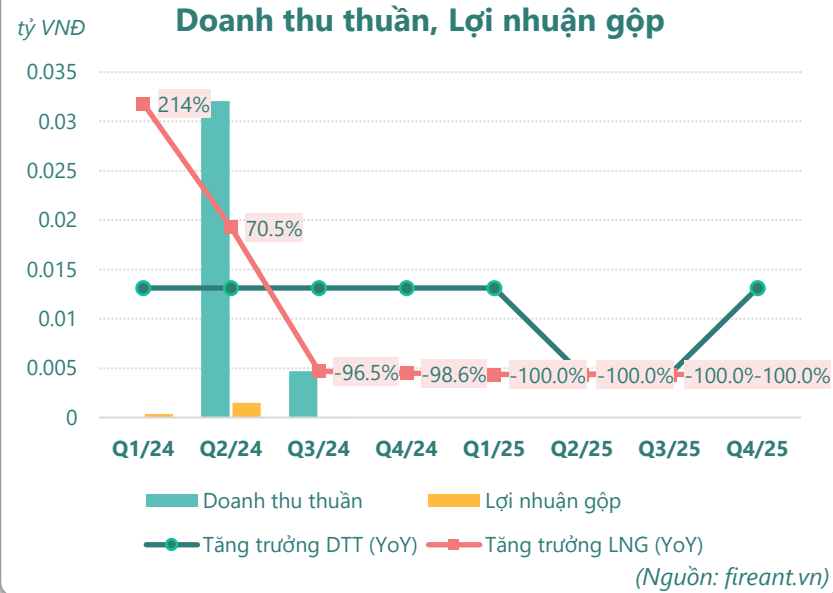
CTCP Chứng khoán ARTEX

Ngày 31/12/2025	1,300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	0%	0%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	1,300 - 1,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	126
Số lượng CPLH (CP)	96,922,509
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.7%
Beta	-
EPS	-375
P/E	-3.5



KẾT QUẢ KINH DOANH



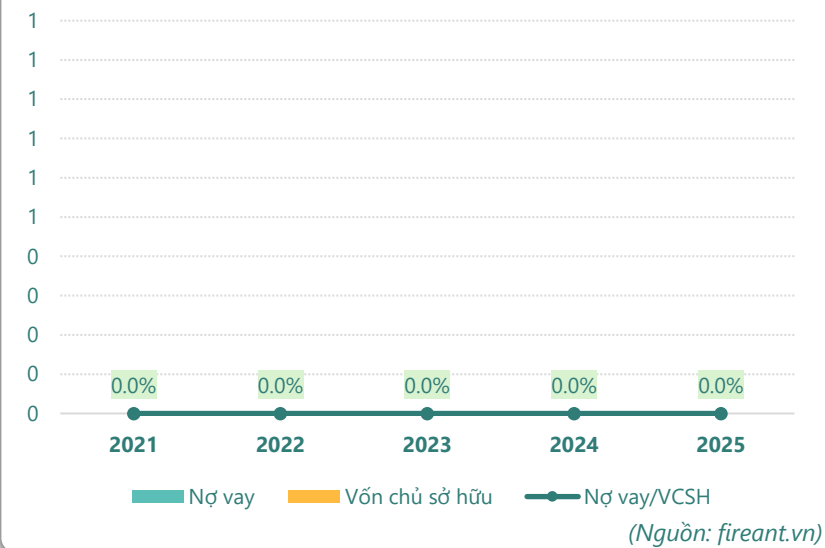
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN



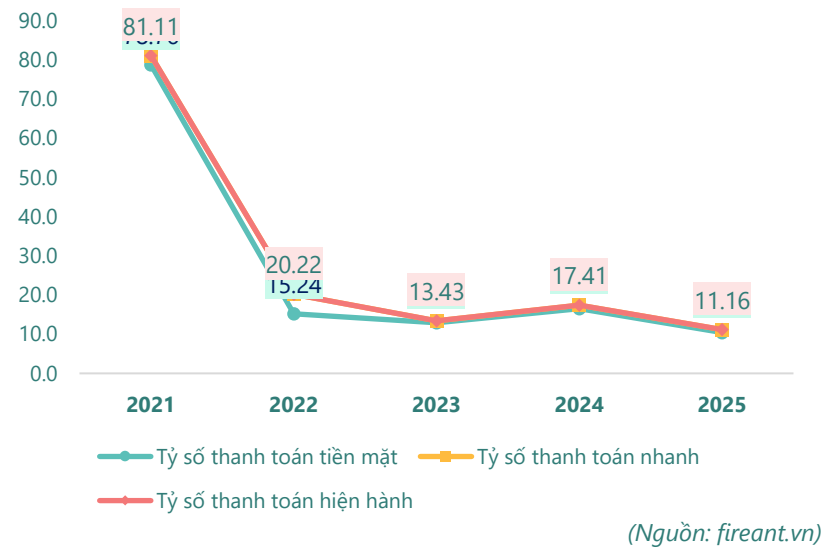
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

tỷ VNĐ

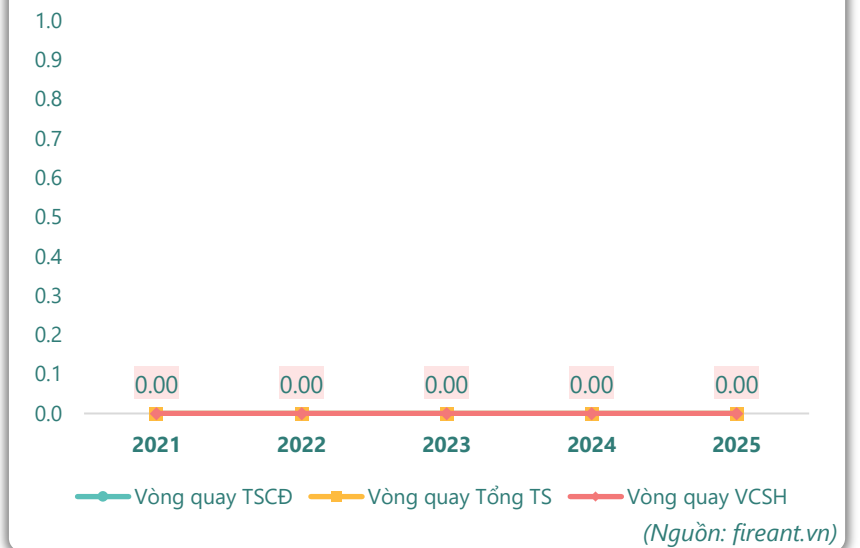
Nợ vay/VCSH



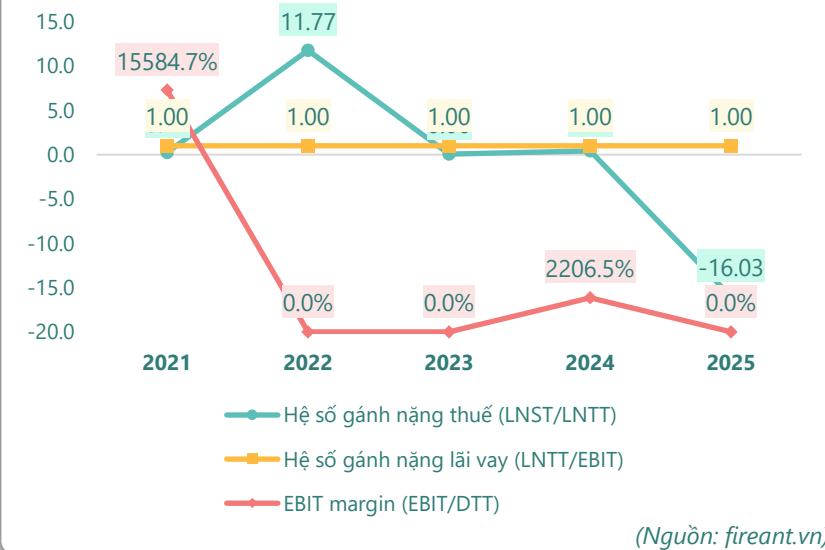
Chỉ số thanh khoản



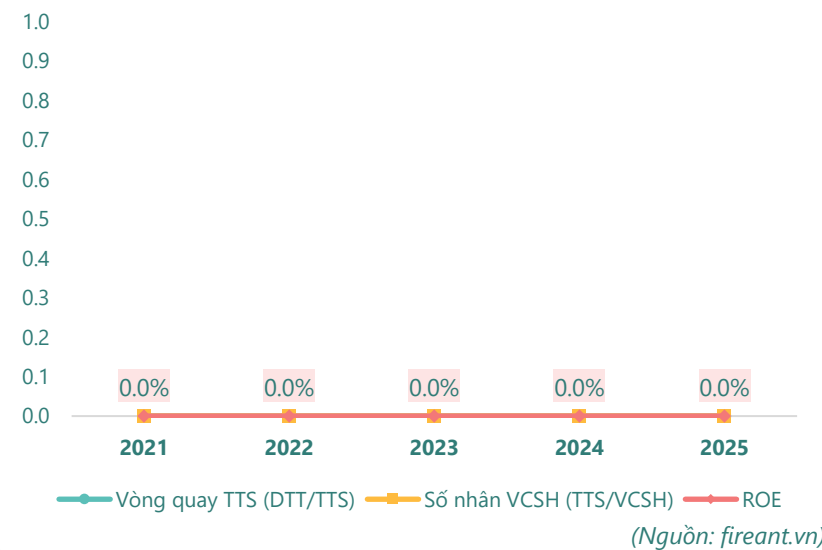
Vòng quay tài sản



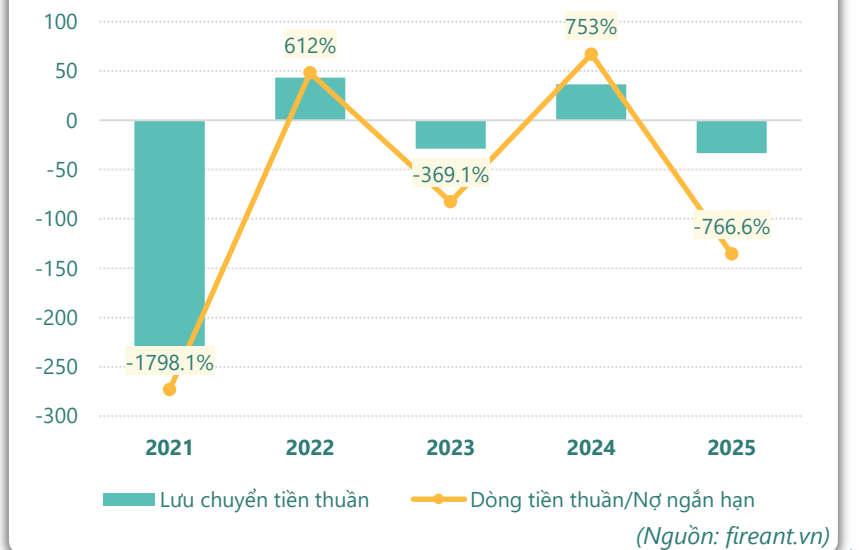
Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



Vòng quay tài sản và ROE



Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	0	0.00		0	0.04	-100%
Giá vốn hàng bán	0.00	0.00		0.00	0.10	-99.7%
Lợi nhuận gộp	0	0.00		0	0.00	-100%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.05	0	
Chi phí TC	0	0.00		0	0.00	-100%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.10	0.02	416%	0.23	0.15	56.1%
Chi phí QLDN	0	0.00		0	0	
LN thuần từ HĐKD	0.04	0.00		0.04	0.38	-89.5%
Lợi nhuận khác	0	0.00		0	0	
LN trước thuế	1.46	0.05	2818%	1.74	0.81	115%
Lợi nhuận sau thuế	0.00	0.15	-99.9%	-27.9	0.33	-8544%
LNST của CĐ cty mẹ	0	0.00		0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-3.73	-3.09	-2.75	-39.2	9.40	-0.68
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	-0.18	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	76.0	72.3	69.2	66.4	27.2	36.4
Lưu chuyển tiền thuần	-3.73	-3.09	-2.75	-39.2	9.22	-0.68
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	72.3	69.2	66.4	27.2	36.4	35.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	0	0	
Tài sản ngắn hạn	48.7	84.2	-42.2%
Tiền và tương đương tiền	45.5	79.8	-43.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	0	0	
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	0.12	0.34	-64.8%
Phải thu dài hạn	0.15	0.41	-63.4%
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	46.1	46.1	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4.36	4.83	-9.8%
Nợ ngắn hạn	4.36	4.83	-9.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn điều lệ	0	0	
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

